

Số: 03/2025/QĐST-DS

Chí Linh, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**Về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của
người phải thi hành án trong khối tài sản chung**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Luyến

Thư ký phiên họp: Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Chí Linh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên họp:* Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 101/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Nguyễn Văn S - Chấp hành viên

Nơi công tác: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Địa chỉ trụ sở: Phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số D T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Khúc Văn M, sinh năm 1982;

Địa chỉ: KDC số A C, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Vũ Thị T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà A đường T, KDC số C B, phường P, thành phố C, tỉnh Hải
Dương

Có mặt ông S.

Vắng mặt: Bà N, bà T, ông M (bà T, ông M có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, các tài liệu trong hồ sơ cũng như tại phiên họp, ông Nguyễn Văn S trình bày:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, bà Lê Thị Thanh N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền là 750.000.000đồng, khoản lãi chậm thi hành án, án phí dân sự.

Ngày 23/4/2024, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh nhận được đơn yêu cầu thi hành án của bà Vũ Thị Thanh G ngày 22/4/2024. Ngày 02/5/2024, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh ban hành Quyết định số 30/QĐ-CCTHADS ngày 02/5/2024 về thi hành án theo yêu cầu và giao Quyết định cho người được thi hành án, người phải thi hành án. Tuy nhiên, chị N không thi hành khoản tiền phải trả cho bà T. Chi cục Thi hành án dân sự tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của bà N cho thấy: Bà N có 01 thửa đất số A11-60, diện tích sử dụng 100m², tại địa chỉ: Khu H, phường M, Đ, Quảng Ninh, thửa đất này bà N đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh C với số dư nợ trên 1,5 tỷ đồng; và bà N có tài sản chung với ông Khúc Văn M gồm có 01 thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06, diện tích sử dụng 81m², địa chỉ: phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD695689 do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 29/12/2016 đứng tên chủ sử dụng là ông Khúc Văn M, bà Lê Thị Thanh N và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất. Ông M và bà N đã ly hôn theo Quyết định số 04/2021/QĐHG-HNGĐ ngày 09/8/2021 của Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, khi ly hôn ông M và bà N chưa phân chia tài sản chung.

Ngày 18/7/2024, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh đã ban hành Thông báo số 553/TB-THADS ngày 18/7/2024 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án và đã giao cho bà T, Thông báo số 554/TB-THADS ngày 18/7/2024 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án và đã giao cho bà N, Thông báo số 555/TB-THADS ngày 18/7/2024 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án và đã giao cho ông M. Trong nội dung thông báo đã thông báo cho ông M, bà N có quyền thoả thuận phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố Chí Linh giải quyết phân chia tài sản chung giữa ông M và bà N đối với tài sản là 01 thửa đất số 866, tờ

bản đồ số 06, diện tích sử dụng 81m², địa chỉ: phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD695689 do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 29/12/2016 đứng tên chủ sử dụng là ông Khúc Văn M, bà Lê Thị Thanh N và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trên nhưng ông M, bà N không tự thoả thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chi cục Thi hành án dân sự tiếp tục ra Thông báo số 623/TB-THADS ngày 26/8/2024 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án gửi bà T, nội dung thông báo cho người được thi hành án bà T có quyền yêu cầu Toà án xác định phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung là 01 thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06, diện tích sử dụng 81m², địa chỉ: phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD695689 do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 29/12/2016 đứng tên chủ sử dụng là ông Khúc Văn M, bà Lê Thị Thanh N và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chấp hành viên căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự và khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án là bà N trong khối tài sản chung với ông M đối với 01 thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06, diện tích sử dụng 81m², địa chỉ: phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD695689 do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 29/12/2016 đứng tên chủ sử dụng là ông Khúc Văn M, bà Lê Thị Thanh N và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất làm căn cứ để thi hành án đối với khoản tiền bà N còn nợ bà T.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông S đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu trong hồ sơ, bà Lê Thị Thanh N xác định:

Bà có nợ bà T số tiền 750.000.000đ, đã được Toà án nhân dân thành phố Chí Linh xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 26/01/2024, nhưng đến nay bà chưa trả được. Bà T có đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh đã có đơn yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Bà và ông Khúc Văn M đã ly hôn, nhưng khi ly hôn chưa giải quyết phân chia tài sản chung. Đối với thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 và ngôi nhà 4 tầng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, còn các đồ đạc trong nhà là tài sản riêng của bà N. Bà đề nghị phân chia thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 và nhà 04 tầng với tỷ lệ 50/50.

Tại biên bản lấy lời khai ông Khúc Văn M xác định: Ông và bà N đã ly hôn và tự thoả thuận phân chia tài sản, các bên đã tự thoả thuận phân chia xong các tài sản đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và đã sử dụng từ đó cho đến nay. Hiện nay, giữa ông bà còn tài sản chung gồm thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 và ngôi nhà 4 tầng. Đến nay Chi cục thi hành án dân sự thành phố C yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 và ngôi nhà 4 tầng thì ông đồng ý, tỷ lệ phân chia 50/50 và ông đề nghị được nhận phần của ông bằng tiền.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Theo bản án số 02/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Toà án nhân dân thành phố Chí Linh xử thì bà N có nợ bà số tiền 750.000.000đ và lãi chậm thi hành. Ngày 22/4/2024, bà nộp đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên và bà có cung cấp cho thi hành án về tài sản của người thi hành án có thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 diện tích 81m² tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ695689 ngày 29/12/2016 mang tên Khúc Văn M và Lê Thị Thanh N và Thửa đất số A11-60, tờ bản đồ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị hai bên đường A tại phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đã được UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 294447 ngày 28/7/2022 mang tên Lê Thị Thanh N.

Sau đó, cơ quan thi hành án đã yêu cầu bà N trả tiền, nhưng bà N không trả tiền, mà luôn lấy lý do khó khăn, Vì vậy, ông S – Chấp hành viên của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh có đơn yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án đối với thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 diện tích 81m² tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ695689 ngày 29/12/2016 mang tên Khúc Văn M và Lê Thị Thanh N và tài sản trên đất thì bà đồng ý, và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Toà án xác định bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 diện tích 81m², trên đất có nhà 4 tầng, ngoài ra còn có các tài sản khác nhưng không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ.

Xác minh với UBND phường S xác định thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 diện tích 81m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông M, bà N và ông M, bà N sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Tại phiên họp:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị N vắng mặt không có lý do. Bà T1, ông M vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Chấp hành viên đề nghị Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án là bà N trong khối tài sản chung với ông M là thửa đất số 866, tờ bản đồ số 6, diện tích 81m², tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, chia phần bà N được ½ giá trị tài sản chung.

- Quan điểm đại diện VKSND thành phố Chí Linh: Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 33 Luật HNGĐ; Điều 213, 219 BLDS; khoản 1 Điều 74, khoản 3 Điều 75 Luật THADS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là ông Nguyễn Văn S về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Lê Thị Thanh N đối với tài sản chung vợ chồng của bà N với ông Khúc Văn M là thửa đất số 866 tờ bản đồ số 06 diện tích 81m² địa chỉ số B phố H, KDC N, phường S, thành phố C và nhà 4 tầng diện tích sàn 68m² trên đất. Xác định bà N có quyền sử dụng 1/2 thửa đất số 866 tờ bản đồ số 06 và quyền sở hữu 1/2 căn nhà 4 tầng diện tích sàn 68m² được xây dựng trên thửa đất.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: Chị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Nguyễn Văn S không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc dân sự về “*yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung*” đối với thửa đất số 866, tờ bản đồ 06, diện tích 81m² phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[1.2] Tại phiên họp, bà N đã được Toà án triệu tập họp lệ vắng mặt không có lý do, ông M và bà Thanh vắng M1 – đều có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX tiếp tục tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Tại Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án số 04/2021/QĐHG-HNGĐ ngày 09/8/2021, về quan hệ tài sản thì bà N và ông M không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, cả bà N và ông M đều thừa nhận chưa phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06, tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, bà N có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền là 750.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà N không thanh toán nên bà T1 đã gửi đơn yêu cầu thi hành án cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh ra Quyết định thi hành án và giao Quyết định cho các bên yêu cầu và phải thi hành án. Tuy nhiên, bà N đã không thi hành khoản tiền phải trả cho bà T1. Chi cục Thi hành án dân sự tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của bà N và ra Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án gửi cho bà N, ông M. Nội dung thông báo cho bà N (là người phải thi hành án), ông M (là người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất) biết có quyền tự thoả thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thông báo cho người được thi hành án là bà T1 biết có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong

khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Do bà N và ông M không có thoả thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; bà T1 không yêu cầu Toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án và khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông M đối với thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06, tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất để thi hành án đối với khoản tiền bà N còn nợ của bà T1 là có căn cứ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, cả bà N và ông M đều thừa nhận thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06, tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa phân chia và đều đề nghị Toà án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đối với khối tài sản này theo tỷ lệ 50/50, chấp hành viên và bà T1 đều đồng ý, nên HĐXX xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đối với khối tài sản này theo tỷ lệ $\frac{1}{2}$ (một phần hai).

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đơn yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố C được chấp nhận nên bà Lê Thị Thanh N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.400.000đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.400.000đồng, nên bà N phải trả cho ông S số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.400.000đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 4 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định tại Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn

10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 361, Điều 366, khoản 3 Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 37 và khoản 4 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh về xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của chị Lê Thị Thanh N để thi hành án.

2. Xác định thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06, diện tích 81m², ghi tên ông Khúc Văn M, bà Lê Thị Thanh N, địa chỉ tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương và các tài sản gắn liền với thửa đất thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của vợ chồng ông M, bà N. Bà Lê Thị Thanh N được quyền sử dụng, quyền sở hữu ½ (một phần hai) giá trị khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân (gồm thửa đất số 866, tờ bản đồ số 06 và các tài sản gắn liền trên thửa đất) để đảm bảo việc thi hành án dân sự. *(Có sơ đồ kèm theo)*

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Thanh N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.400.000đ *(Ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Do chấp hành viên ông Nguyễn Văn S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, nên bà N phải trả cho chấp hành viên ông S số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 3.400.000đ *(Ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Nguyễn Văn S không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)

Vũ Thị Luyện

[1.3] Về nội dung đại diện VKSND thành phố Chí Linh xác định ông S1 không là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự, Tòa án xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự thì ông S1 là người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Do hết thời hạn theo quy định, ông S1 không có đơn yêu cầu nên chấp hành viên đã có đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông T2 trong khối tài sản chung với bà Y. Do vậy, Tòa án vẫn xác định ông S1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc giải quyết việc dân sự.